

**Bản án số: 20 /2022/HSST  
Ngày: 21 /1/2022**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Vũ Thị Thu Hằng.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Hạnh.

Bà Nguyễn Thị Xuân Hồng.

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Hà Hùng Cường - Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022 tại Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 325/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST- HS ngày 05/01/2022 đối với bị cáo:

**NGUYỄN VĂN Đ**, sinh năm 1995 tại Nam Định; Nơi ĐKKTT: Xóm 7 xã Xuân Châu, huyện X, tỉnh N; Chỗ ở: Số 37 ngõ 123 Tr, phường Tr, quận C, Thành phố H; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 07 /12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Thề và bà Bùi Thị D; TATS: Không; Nhân thân: Quyết định số 56/QĐ-UB-NC ngày 23/4/2013 của Chủ tịch UBND quận Cầu Giấy đưa đi trường giáo dưỡng, thời hạn 24 tháng (Đã hết thời hiệu); Danh bản, chỉ bản số **539** ngày 21/10 /2021 do Công an quận C, Thành phố H cấp. Bị can đầu thú ngày 15/11/2018. Hiện bị cáo đang áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**Bị hại:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1979.

Nơi cư trú: Phòng 1605 chung cư 16B Nguyễn T, phường Y, quận H, TP. H  
(Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Đ làm nghề xe ôm và thuê phòng trọ tại nhà nghỉ Xanh, địa chỉ: Ngách 43/10 Trung Kính, phường Tr, quận C, Thành phố H. Khoảng 21 giờ ngày 27/6/2018, Đ đi bộ từ nhà nghỉ đến cửa hàng nhận giặt là quần áo công cộng mang tên “Huy Huỳnh” tại số 19 ngõ 81 Trung Kính, phường Tr, quận C, Thành phố H để lấy quần áo đã thuê giặt từ trước. Trên đường đi, Đức mua nước mía, bím bím tại cửa hàng tạp hóa của bà Trần Thị L, sinh năm 1967, HKTT: số 4 ngõ 81 Trung Kính, phường Tr, quận C, Thành phố H. Khi đi qua số nhà 08 ngách 43/10 Trung Kính, Đức thấy trước cửa hàng có dựng 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Lead, màu nâu đen, BKS 29 T1-203.86 của chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1979, HKTT: phòng 1605 chung cư 16B Nguyễn Thái Học, phường Y, quận H, Thành phố H đang cắm chìa khóa ở ổ khóa, xe không khóa cổ, không khóa càng, không có người trông giữ. Đ tiếp tục đi lấy quần áo. Trên đường về, Đ vẫn thấy chiếc xe để trước cửa nhà trong tình trạng như trên nên nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên. Đ đi lại quan sát xung quanh chờ đợi cơ hội thuận lợi. Một lúc sau, Đ tiến đến, để chiếc túi đựng quần áo và túi đựng nước mía, bím bím mua trước đó xuống dưới đất trước đầu xe và ngồi lên xe máy, mở chìa khóa xe, điều khiển xe đi về hướng đường Trung Kính để chạy thoát. Sau khi trộm được chiếc xe trên, Đ sử dụng làm phương tiện đi lại. Khoảng 01 (Một) tuần sau, Đ kiểm tra trong cốp xe có 01 (Một) chiếc túi xách nữ màu hồng, bên trong có 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng), 01 (Một) giấy đăng ký xe máy, 01 (Một) chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Thị T. Đức đã tiêu sài hết số tiền trên, Đức vứt chiếc túi xách ở thùng rác trên đường Trần Đăng N. Chiếc xe máy, đăng ký xe cùng CMND mang tên Nguyễn Thị T, Đ bán cho một người đàn ông không quen biết tại khu vực vòng xuyên đường Trần Đăng

N, phường D, quận C với giá 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng). Số tiền trộm cắp và tiền bán được xe, Đ đã tiêu sài cá nhân hết. Ngay sau khi phát hiện bị mất tài sản, chị T đã đến Công an phường T trình báo. Ngày 15/11/2018, Nguyễn Văn Đ đến Công an phường T đầu thú.

Kết luận định giá tài sản số 233/TCKH-BBĐGTS ngày 02/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận C kết luận: 01 (Một) chiếc xe máy hiệu Honda Lead màu nâu đen, biển kiểm soát: BKS 29T1-203.86 (Đã qua sử dụng từ năm 2013) có giá trị là 15.920.000 đồng (Mười lăm triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã dẫn giải Nguyễn Văn Đ đến địa điểm phạm tội và thực hiện hiện trường vụ án, Đ đã diễn tả lại toàn bộ quá trình thực hiện hành vi phạm tội và thực nghiệm hiện trường vụ án, Đ đã diễn tả lại toàn bộ quá trình thực hiện hành vi phạm tội, kết quả thực nghiệm phù hợp với lời khai của bị can, người bị hại, và các tài liệu khác có trong hồ sơ.

Cơ quan điều tra đã dẫn giải Nguyễn Văn Đ đến vị trí bán xe tại số 99 Trần Đăng N, phường D, quận C, Thành phố H nhưng không xác định được người mua xe trên.

Cơ quan điều tra đã rà soát camera tại hiện trường vụ án, phát hiện 01 camera ghi lại hình ảnh vụ việc tại số 03 ngõ 43/10 Trung K, phường T, quận C, Thành phố H. Nguyễn Văn Đ khai nhận hình ảnh mình là người đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nêu trên.

Tra cứu, xác minh chiếc xe máy BKS 29T1-203.86 Đức trộm cắp mang tên chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1979, địa chỉ: P1605 CC 16B Nguyễn Thái Học, phường Y, quận H, Thành phố H. Tra cứu chiếc xe không phải là vật chứng vụ án. Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm chiếc xe trên và đăng tin trên Báo an ninh thủ đô nhưng chưa có kết quả.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn Đ đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trên. Lời khai của Đ phù hợp với lời khai của người bị hại. tang vật vụ án thu giữ, kết luận định giá tài sản.

Về dân sự: Ngày 18/3/2019, bị cáo đã bồi thường cho chị Nguyễn Thị T số tiền 22.920.000 đồng (Hai mươi hai triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng) tương ứng với số tiền bị cáo trộm cắp và kết quả định giá tài sản. Đối với chiếc túi xách đã cũ, không còn giá trị, chị T không có yêu cầu. Sau khi nhận được tiền bồi thường, chị T không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự, chị đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho Nguyễn Văn Đ.

Cáo trạng số 321/CT - VKSCG ngày 27/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân quận C truy tố Nguyễn Văn Đ về tội “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị áp dụng Áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ mức án 06 (Sáu) tháng tù đến 09 (Chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 12 (Mười hai) tháng - 18 (Mười tám) tháng.

Về tang vật: 01 (Một) chiếc áo sơ mi màu đen trắng, 01 (Một) thắt lưng da màu đen, 01 (Một) áo sơ mi hoa văn nhiều màu, 01 (Một) áo khoác đen trắng, 01 (Một) quần bò màu đen, Đúc bỏ lại tại hiện trường. Ngày 02/7/2018, Cơ quan điều tra đã trả lại cho Nguyễn Văn Đ số tài sản trên do không liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa: Bị cáo khai như đã khai tại cơ quan điều tra, thừa nhận hành vi do mình thực hiện là phạm tội, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Nguyễn Văn Đức trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo đã ăn năn hối hận và mong muốn được sự khoan hồng để có điều kiện cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:***

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an quận C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai báo thành khẩn và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản tiếp nhận người phạm tội ra tự thú/đầu thú, bản tiếp nhận định giá, lời khai người liên quan cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ như: camera thu giữ tại hiện trường và nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 21 giờ ngày 27/6/2018, lợi dụng sơ hở của chủ tài sản Nguyễn Văn Đ đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 (Một) Honda Lead, màu nâu đen, BKS 29 T1-203.86 trị giá 15.920.000 (Mười năm triệu chín trăm hai mươi nghìn) đồng và số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu), 01 (Một) chiếc túi xách nữ màu hồng, 01 (Một) giấy đăng ký xe máy, 01 (Một) chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Thị Th tại số 4, ngõ 81 Trung Kính, phường T, quận C, Thành phố H. Tổng trị giá tài sản Nguyễn Văn Đ chiếm đoạt là 22.920.000 (Hai mươi hai triệu chín trăm hai mươi nghìn) đồng. Số tiền trộm cắp và tiền bán được xe, Đức đã tiêu sài cá nhân hết.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn Đ đã xâm phạm đến khách thể là quyền tài sản của người khác, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân quận C, Thành phố H là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Nhận xét về nhân thân và lượng hình đối với bị cáo:

Tính chất hành vi phạm tội thể hiện: Bị cáo là một thanh niên đã trưởng thành, có hiểu biết về pháp luật, biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, song do tham lam, tư lợi, không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân nên bị cáo đã có hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu trên nên Hội đồng xét xử thấy cần phải có mức án

tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo sức răn đe phòng ngừa giáo dục chung.

Ngoài ra, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét, tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn nhận tội, ăn năn hối cải, đồng thời bị cáo chưa có tiền án tiền sự, lần phạm tội này là lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo đã tự khắc phục toàn bộ hậu quả, đã bồi thường toàn bộ cho người bị hại và bị hại không có ý kiến gì. Sau khi phạm tội thì bị cáo đầu thú. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng và cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng cho bị cáo hưởng án treo đối với bị cáo là có căn cứ và phù hợp với pháp luật.

Về nhận thân thì bị cáo đã từng bị đưa vào trại giáo dưỡng 24 (Hai mươi tư) tháng từ năm 2013, mặt khác đi vào trại giáo dưỡng bị cáo còn là trẻ vị thành niên (17 tuổi) nên không bị tính là đã có tiền sự. Bị cáo phạm tội lần này là do hoàn cảnh khó khăn nên nhất thời phạm tội. Bị cáo có nơi cư trú cố định. Để thể hiện chính sách nhân đạo và khoan hồng của Nhà nước, đại diện Viện kiểm sát đề xuất áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của hội đồng xét xử về việc không cần thiết phải cách li bị cáo một thời gian mà cho bị cáo cải tạo ngoài xã hội cũng đủ sức răn đe đối với tội phạm

[4] Về tang vật: 01 (Một) chiếc áo sơ mi màu đen trắng, 01 (Một) thắt lưng da màu đen, 01 (Một) áo sơ mi hoa văn nhiều màu, 01 (Một) áo khoác đen trắng, 01 (Một) quần bò màu đen, Đ bỏ lại tại hiện trường. Ngày 02/7/2018, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo số tài sản trên do không liên quan đến vụ án.

[5] Về dân sự: Bị cáo đã bồi thường xong toàn bộ cho bị hại và bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm. Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Tuyên bố:** Bị cáo **Nguyễn Văn Đức** phạm tội **Trộm cắp tài sản**.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015;

- Áp dụng Điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

**Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Văn Đ **12 (Mười hai)** tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo. Hạn thử thách là **24 (Hai mươi tư)** tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo về UBND phường T, quận C, Thành phố H để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của bản án.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 (Hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Miễn phạt bổ sung cho bị cáo.

**2. Về xử lý vật chứng:** Không

**3. Về dân sự:** Không.

**4. Về án phí:** Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu **200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng)** án phí hình sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn **15 (Mười lăm)** ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn **15 (Mười lăm)** ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận C, TP. Hà Nội;
- Sở Tư pháp TP. H;
- Thi hành án hình sự;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ, lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**VŨ THỊ THU HẰNG**